

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA GIÁO DỤC NGOẠI NGỮ Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HIỆN NAY

Trịnh Thị Kim Ngọc⁽¹⁾

Giờ đây, không ai trong chúng ta còn nghi ngờ về vai trò và ý nghĩa của việc dạy-học ngoại ngữ trong cuộc sống của con người hiện đại. Đặc biệt trong xu hướng hội nhập toàn cầu hiện nay, vai trò của ngoại ngữ lại một lần nữa được khẳng định rõ nét hơn. Tuy nhiên, cũng như mọi lĩnh vực hoạt động khác của cuộc sống, giáo dục ngoại ngữ ở nhiều quốc gia nói chung và ở nước ta nói riêng, đang đứng trước những thách thức mới.

Nếu đặt toàn cầu hóa - một khái niệm vi mô trong phạm trù phát triển nói chung, bên cạnh một lĩnh vực hoạt động rất cụ thể, chuyên biệt là việc dạy- học ngoại ngữ, có thể là thiếu hợp lý, nhưng như một "bàn tay vô hình", trên thực tế các xu hướng lớn, các "gu" của thời đại, đang hàng ngày hàng giờ chi phối mọi hoạt động xã hội đều nằm trong bối cảnh chung là toàn cầu hóa.

1. Bối cảnh chung của một số ngôn ngữ và việc lựa chọn ngoại ngữ hiện nay trên thế giới

Ngoại ngữ - với tư cách là chìa khóa, là điều kiện để tiếp nhận tri thức và hội

nhập văn hóa, người học ngoại ngữ hiện nay luôn đặt ra cho mình một sự lựa chọn: học ngoại ngữ nào để có thể đạt được mục đích nêu trên. Toàn cầu hóa với một trong những đặc trưng của mình là cách mạng khoa học - công nghệ và đặc biệt là sự phát triển của công nghệ tin học, đã đưa tiếng Anh lên vị trí ưu thế nhất giữa các ngôn ngữ trên thế giới. Theo thống kê vào những năm cuối của thế kỷ XX do Tổ chức "Evro-Barometr" khảo sát, có khoảng trên 350 triệu người trên toàn thế giới có tiếng mẹ đẻ là tiếng Anh và trên 400 triệu người coi tiếng Anh là bản ngữ thứ hai, tức là họ dùng tiếng Anh trong các văn bản chính thống của Nhà nước và giao tiếp chung trong xã hội, tiếng mẹ đẻ của họ chỉ dùng trong gia đình mà thôi¹⁾. Do nhiều nguyên nhân xã hội, trong đó có cả hiện tượng di dân, theo chúng tôi con số những người nói tiếng Anh bản ngữ trên thế giới cho đến hôm nay còn tăng lên khoảng 15% - 20%. Một điều đáng chú ý của dân cư ở các nước nói tiếng Anh bản ngữ là nhìn chung, họ không có nguyện vọng nắm thêm ngoại ngữ khác. Lãnh đạo một tổ

⁽¹⁾ TSKH, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

⁽¹⁾ Theo GS. TSKH. A.L. Berdichevski, giảng viên ngôn ngữ Slavơ tại các trường ĐH Châu Âu: Đại học Tổng hợp Lepzik, CHDC Đức (1978-1982); Đại học Tổng Hợp Viên và Viện Hàn Lâm Khoa học Terezianium Viên, Bì (1988-1992); tại Học viện Kinh tế Đối ngoại Aizen- Stadte, Áo (1997 đến nay); trong bài bình luận: Tiếng Nga có trở thành ngôn ngữ Quốc tế hay không? Trong *Vic: Thế giới của từ tiếng Nga*, Số 1/2000, Tr. 29-30.

chức của Hội đồng Anh ông Tony Shou đã giải thích hiện tượng này như một sự kiêu hãnh của người Anh và do đó đã xảy ra những tranh luận gay gắt. Một sự giải thích khoa học hơn của giáo sư Krumm (người Anh) là, trước sự mở rộng và phát triển của nhiều trường phổ thông song ngữ trên toàn thế giới, đặc biệt là ở Châu Âu, khi tiếng Anh được dạy cấp tốc trong 3 năm đầu và sau đó trở thành ngôn ngữ chính dùng trong dạy - học, thì việc không quan tâm đến các ngoại ngữ khác của những người nói tiếng Anh bản ngữ cũng là điều dễ hiểu.

Do nhiều nguyên nhân kinh tế-xã hội: trước hết là dân số và sau đó là những thành tựu vượt bậc trong phát triển kinh tế của Trung Quốc, toàn thế giới có trên 1 tỷ người dùng tiếng Trung như bản ngữ. Hiện nay, do những nhu cầu giao tiếp, kinh doanh v.v... cùng với xu hướng học tiếng Trung đang có chiều hướng tăng lên rõ rệt, trên thế giới lại có thêm khoảng trên 100 triệu người nữa biết tiếng Trung như ngoại ngữ và con số này sẽ còn gia tăng.

Nhiều nhà Nga ngữ quan tâm: tiếng Nga có trở thành ngôn ngữ quốc tế hay không? Trong tương quan với tiếng Anh, tiếng Trung và các ngôn ngữ khác, toàn thế giới có gần 288 triệu người dùng tiếng Nga bản ngữ và 215 triệu người thuộc các Quốc gia độc lập (SNG), và dân cư thuộc các nước XNCH trước đây biết tiếng Nga như một ngôn ngữ thứ hai hoặc như ngoại ngữ phổ biến⁽²⁾. Tuy nhiên, cùng với những khủng hoảng về chính trị và sự suy sụp của kinh tế nước Nga, nguyện vọng học tiếng Nga của dân cư trên toàn thế giới giảm đi rõ rệt. Chỉ khoảng 5 năm trở lại

đây, cùng với những chuyển biến bước đầu của xã hội Nga và những nỗ lực to lớn của các nhà Nga ngữ học Nga đã tạo cho các nhà hoạch định chính sách giáo dục cũng như các chuyên gia phương pháp luận ngoại ngữ của nhiều quốc gia một cách nhìn nhận biện chứng hơn về văn hóa Nga. Hiện nay, sự tiếp cận trở lại với tiếng Nga đang có nhiều triển vọng.

Trong số các ngôn ngữ có số lượng đáng kể dân cư thế giới sử dụng còn có thể tính đến: tiếng Tây Ban Nha với trên 300 triệu người dùng như bản ngữ và khoảng trên 50 ngàn người dùng như ngoại ngữ; tiếng Ấn với trên 200 triệu người biết sử dụng; tiếng Indônêxia với khoảng 200 triệu người biết dùng ở các mức độ khác nhau, mặc dù số người coi ngôn ngữ này là tiếng mẹ đẻ lại thấp hơn gần 9 lần (tức khoảng 25 triệu người). Điều đó có thể giải thích được vì những nguyên nhân lịch sử, mà một trong những nguyên nhân đó là trên những quần đảo thuộc Indônêxia cư trú lâu đời nhiều dân tộc khác: người Hoa, người Đài Loan, Thái Lan v.v... Họ vẫn sử dụng chung một ngôn ngữ chính thống là tiếng Indônêxia, còn tiếng mẹ đẻ sẽ chỉ được dùng trong gia đình hoặc cộng đồng nghề nghiệp ở giới hạn hẹp.

Trong những năm gần đây, số lượng người dùng tiếng Ả-Rập như tiếng mẹ đẻ cũng đã tăng lên đến gần 200 triệu người, trong đó, lượng dân cư dùng ngôn ngữ này như ngoại ngữ cũng chiếm tỷ lệ gần 20%. Do những phát triển gần đây về chính trị, kinh tế và đối ngoại của một số quốc gia Châu Phi, tiếng Bồ Đào Nha cũng được ghi nhận là một trong số những ngôn ngữ ưu thế hiện nay với trên 150 triệu người sử dụng; tiếng Ý trở nên chiếm ưu thế hơn ở Châu Âu với gần 130 triệu người sử dụng.

⁽²⁾ Nguồn đã dẫn.

Trong khi đó, tiếng Pháp với nền văn minh Pháp đã từng chiếm lĩnh vị trí ưu thế nhất vào những thập niên giữa của thế kỷ XX, nhưng ở thời điểm hiện nay, tiếng Pháp chỉ còn là bản ngữ của gần 100 triệu người, xấp xỉ với số lượng những người biết tiếng Việt với trên 80 triệu người dùng tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ và gần 20 triệu người dùng tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai và ngoại ngữ. Thêm vào đó, số lượng người học tiếng Pháp cũng có những dao động nhất định và dường như không tăng lên. Điều đó, không thể coi là do những nguyên nhân chính trị xã hội của bản thân nước Pháp, mà chỉ có thể giải thích được bằng xu hướng hay "gu ngôn ngữ" của thời đại mà thôi. Dư báo gần đây về việc dạy học ngoại ngữ trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI cho biết: trên thế giới đã và đang có xu hướng tăng đột biến số lượng dân cư toàn cầu có nguyện vọng học tiếng Trung, tiếng Indônêsi và tiếng Việt. Xu hướng tăng dần và có triển vọng đối với việc học tiếng Nga, tiếng A-Rập, tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

Việt Nam là bức tranh thu nhỏ của bối cảnh ngôn ngữ toàn cầu, bên cạnh ngoại ngữ chiếm ưu thế là tiếng Anh, nhiều ngoại ngữ khác đã được triển khai giảng dạy ở các trường chuyên ngữ nước ta: Đại học ngoại ngữ Hà Nội đã có trên 20 ngoại ngữ được đưa vào dạy chính khóa, hầu hết các khoa ngoại ngữ cơ bản đều được triển khai dạy song ngữ, các chuyên gia ngoại ngữ của tất cả các khoa đều đang nỗ lực cải tiến phương pháp và nội dung giảng dạy để không ngừng thu hút người học quan tâm đến nhiều ngoại ngữ, cho phù hợp với hoàn cảnh sẵn có và đáp ứng từng bước yêu cầu thị trường.

Tuy nhiên, "thị hiếu ngoại ngữ" của thời đại cũng như hiện trạng của một số ngôn ngữ chiếm ưu thế trên thế giới như đã kể trên, phụ thuộc trước hết vào xu hướng phát triển chung của nhân loại, mà muốn hay không muốn như một "bàn tay vô hình" nó vẫn chi phối sự phát triển của từng ngôn ngữ trong tương quan hệ thống các ngôn ngữ thế giới. Tuy nhiên, sự phát triển của một ngôn ngữ nào đó còn phụ thuộc vào thể chế chính trị, cấp độ văn minh, quan hệ đối ngoại và chính sách ngôn ngữ của chính những quốc gia có ngôn ngữ đó. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, những vấn đề thường nảy sinh và chiếm nhiều quan tâm của các chuyên gia ngôn ngữ chính là sự tiếp xúc ngôn ngữ.

II. Một số vấn đề về tiếp xúc ngôn ngữ trong toàn cầu hóa

Lâu nay, các chuyên gia ngôn ngữ và các nhà phương pháp giảng dạy ngữ văn trong nước và quốc tế phải bận tâm nhiều hơn tới những vấn đề như: "chuẩn ngôn ngữ" và "chuẩn ngoại ngữ", "ô nhiễm ngôn ngữ", "tiếp biến ngôn ngữ", "nguy cấp ngôn ngữ", "gu ngoại ngữ" hay "khủng hoảng ngoại ngữ" v.v... Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, những thách thức của sự phát triển xã hội đối với giáo dục ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ ngày một gia tăng, đòi hỏi chúng ta phải xem xét lại mọi vấn đề về phương pháp luận. Bắt đầu từ việc xác định lại cái "chuẩn" của giáo dục ngôn ngữ trong đó có giáo dục ngoại ngữ. Hàng loạt vấn đề được đặt ra "chuẩn" là "cái" được phân bổ trong xã hội thừa nhận và đã có thời gian để khẳng định hay là "cái" mà xã hội hiện đại yêu cầu, trong bối cảnh, ngay cả "chuẩn ngôn ngữ" và "chuẩn ngoại ngữ"

vẫn là vấn đề mà các nhà ngôn ngữ thế giới đang bàn cãi.

Tiếp xúc ngôn ngữ (rộng hơn là đối thoại văn hóa) được coi là hiện tượng khá đặc trưng của toàn cầu hóa, nó thường được diễn ra giữa một vài hoặc ít nhất là giữa hai ngôn ngữ, trong đó, một trong các ngôn ngữ tiếp xúc là tiếng mẹ đẻ (còn gọi là bản ngữ), ngôn ngữ còn lại là tiếng nước ngoài (ngoại ngữ). Tiếp xúc ngôn ngữ có thể được diễn ra trong môi trường của tiếng mẹ đẻ (đối với việc giao tiếp và việc học ngoại ngữ ở trong nước) và ngược lại nó cũng lại thường xảy ra trong môi trường của tiếng nước ngoài. Trường hợp nào cũng vậy, bản chất của tiếp xúc ngôn ngữ vẫn là sự giao thoa, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau theo hai chiều: tích cực và tiêu cực. Vai trò của các nhà ngôn ngữ và các nhà phương pháp giảng dạy ngoại ngữ giờ đây lại càng trở nên quan trọng hơn trong việc xác định được ngôn ngữ chiếm ưu thế, có ảnh hưởng nhiều hơn đối với các ngôn ngữ còn lại, trên cơ sở đó xây dựng giải pháp thúc đẩy những ảnh hưởng tích cực và ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực lẫn nhau. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, sự "ô nhiễm" hay "nguy cấp" đối với ngôn ngữ này, lại chính là sự phát triển và khả năng thâm nhập của một ngôn ngữ khác.

Nếu như, nhiều thế kỷ trước, các hiện tượng vay mượn ngôn ngữ từ tiếng Hán và tiếng Pháp đã rất phổ biến ở nước ta. Theo nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ: Hoàng Tuệ, Nguyễn Văn Khang, thì tỷ lệ từ vay mượn từ gốc Hán có thể lên đến trên 70% trong vốn từ tiếng Việt, và có tới gần 3000 đơn vị từ vựng được vay mượn từ tiếng Pháp. Những từ vay mượn từ tiếng Pháp đã được đồng hóa về ngữ âm trong tiếng Việt từ thời Pháp thuộc như: xích, lip, pê-

dan, gác-dơ-bu, gác-dơ-xen, ping-pông, xuất hiện trong tiếp xúc ngôn ngữ mang tính tự nhiên, chứ chưa mang tính chất văn hóa. Nay vẫn được người Việt sử dụng phổ biến, chúng ta dường như đã quen và cho là thuận tiện hơn khi sử dụng các từ thuần Việt: cái chân bunn, cái bàn đập, cái chân xích v.v...

Hiện tượng vay mượn từ tiếng Anh hiện nay giờ đây lại càng tăng cường hơn, do nhu cầu tự nhiên của sự phát triển của công nghệ thông tin trong toàn cầu hóa. Theo nhận xét của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ máy tính cho biết, số lượng từ tiếng Anh sử dụng trong tin học chiếm trên 90%, ngay cả một số lượng lớn các khái niệm thuật ngữ mới ra đời, dùng trong công nghệ thông tin, dù đã được chuyển sang tiếng Việt đều bị người sử dụng coi là không thuận lợi. Cùng với trình độ chung về nắm bắt tiếng Anh của người Việt Nam chúng ta cũng ngày một nâng cao, mọi người đã quen dần với việc trực tiếp làm việc bằng tiếng Anh khi sử dụng máy tính hoặc đọc sách tin học. Hàng loạt thuật ngữ tin học: com-pu-ter, internet, e-mail, microsoft, macro, chater, phone.v.v..., do đó, không chỉ được sử dụng trong công việc mà còn được dùng rộng rãi trong cuộc sống như ngôn ngữ tự nhiên.

Thực trạng phát triển của tiếng Anh đã kéo theo sự nguy cấp của nhiều ngôn ngữ khác hiện nay. Bên cạnh vai trò to lớn của tiếng Anh trong việc hội nhập văn hóa và khoa học - công nghệ, thì nguy cơ "ô nhiễm ngôn ngữ" lại trở nên nặng nề hơn đối với các nước không dùng tiếng Anh như bản ngữ. Đây cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy nhanh hơn sự mất dần ngôn ngữ mẹ đẻ của nhiều dân tộc (theo như những nghiên cứu của Hall và Krauss cho

thấy hiện nay 1/2 ngôn ngữ hiện có trên thế giới đã bị diệt vong, dự kiến mỗi năm loài người có thể mất khoảng trên dưới 2000 ngôn ngữ của các dân tộc yếm thế⁽¹⁾. Trong nhiều ngôn ngữ đã chứng kiến, khi hệ thống thuật ngữ kinh tế, tin học và di truyền học ngày một phát triển, thì hệ thống các nội hàm, khái niệm nhân văn và vốn từ vựng văn học sẽ lại bị coi nhẹ hơn; một mặt thể hiện sự tiến bộ vũ bão của thời đại công nghệ cao; mặt khác, đây cũng là một tín hiệu thông báo rằng: nền văn minh nhân loại đang bước sang một giai đoạn mới - giai đoạn của các ngôi nhà điện tử, của các loại rôbốt có thể thay thế cho con người trong hầu hết các hoạt động sản xuất, và là thời đại của những con người cũng có tác phong làm việc như máy và bản tính nhân văn ở họ cũng đang bị mất dần.

Toàn cầu hóa cũng có những ảnh hưởng tới tiếng Việt. Bên cạnh những tác động tích cực của nó như: sự tăng trưởng và phong phú hơn của hệ thống thuật ngữ khoa học, sự giàu có hơn về ngữ nghĩa. Song, chính sự lạm dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) đã tạo nên một sự "ô nhiễm ngôn ngữ" nghiêm trọng trong tiếng Việt. Ở nước ta, sự lạm dụng quá mức của các thuật ngữ tiếng Anh trong công nghệ tin học và trong quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, đã gây ảnh hưởng đáng kể trong tư duy bằng tiếng mẹ đẻ của người dùng ngoại ngữ tiếng Anh. Ví dụ: hiện tượng nói ngoại ngữ bởi, hoặc nói tiếng Việt lại để thêm những từ nào đó bằng tiếng Anh; nhiều trẻ em nói được bằng tiếng Anh, nhưng không trình bày được bằng tiếng Việt; quảng cáo bằng tiếng Anh hoặc bài hát tiếng Anh sẽ trở nên hấp

dẫn hơn bằng tiếng mẹ đẻ. Trong lựa chọn ngoại ngữ, sự quá chạy theo tiếng Anh, sẽ kéo theo những sự mất cân đối giữa các ngoại ngữ (ở đây chúng tôi không phủ nhận vai trò của thí trường ngoại ngữ), và liền theo đó là có những phần coi nhẹ tiếng Việt. Không thể phủ nhận một hiện thực là trình độ nắm tiếng mẹ đẻ của người Việt Nam có phần giảm sút.

Vẫn biết rằng, hiện tượng vay mượn trong ngôn ngữ là cần thiết và không thể tránh khỏi, đặc biệt trong giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay. Khi tiếng Anh trở thành ngôn ngữ có ưu thế đặc biệt. Hầu hết lượng thông tin khoa học trên các ấn phẩm và trên mạng thông tin quốc tế hiện nay được viết bằng tiếng Anh. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, thuật ngữ khoa học cũng ngày một giàu lên, hàng ngày hàng giờ đều xuất hiện những thuật ngữ mới và hầu hết đều có nguồn gốc từ tiếng Anh. Quá trình tiếp xúc hoặc vay mượn ngôn ngữ, một mặt, tạo điều kiện cho nhiều dân tộc hội nhập những thành tựu khoa học - kỹ thuật, trao đổi kinh tế, văn hóa và tăng cường hiểu biết lẫn nhau. Tuy nhiên, sự thâm nhập quá mạnh mẽ của tiếng Anh đã trở thành một thách thức đối với nhiều bản ngữ trên thế giới, kể cả đối với ngôn ngữ của một số dân tộc đông dân và có bề dày văn hóa như: Trung Quốc, Liên Bang Nga v.v...

Trong cuốn " *Thị hiệu ngôn ngữ của thời đại* " của mình, nhà Nga ngữ học nổi tiếng V.G. Kostomarov đã chia xẻ những quan sát tinh tế về sự "ô nhiễm của tiếng Nga báo chí", đồng thời nghiêm khắc cảnh báo một xu hướng Anh hóa mạnh mẽ trong tiếng Nga văn học, ông thực sự trân trọng trước những ảnh hưởng tiêu cực của xu thế này. Một cái "gu ngôn ngữ" đang được phát

⁽¹⁾ Nguyễn Văn Lợi: Ngôn ngữ nguy cấp và việc bảo tồn đa dạng văn hóa. *T/c Ngôn ngữ*. Số 4. 1999.

triển ở Nga - *sinh chữ ngoại như sinh hàng ngoại*. Trong các văn phòng, công sở ngoài một lượng lớn các thuật ngữ cần sử dụng tiếng Anh, người Nga cũng thích xài tiếng Anh trong giao tiếp hơn trước, coi nó là một tiêu chí thể hiện trình độ văn minh, sự hiểu biết v.v.. Ngoài đường, trước các cửa hiệu tiếng Anh trở thành ngôn ngữ quảng cáo, hàng hóa mang tên gọi bằng tiếng Anh và giới thiệu sản phẩm bằng tiếng Anh sẽ được ưa chuộng hơn, mặc dù luật nhập khẩu của Nga đã có những điều khoản rõ ràng về việc giới thiệu và hướng dẫn sử dụng hàng hóa phải được viết bằng tiếng Nga đối với những sản phẩm ngoại nhập vào Nga.

Nói chung, ngôn ngữ rất nhạy cảm đối với "những cái mới" trong hoạt động đời sống của con người. Trước một biến động hay đổi mới của xã hội, ngôn ngữ sẽ là môi trường được tiếp nhận đầu tiên, từ đó mới phản ánh lại thông qua các xuất bản phẩm. Xu thế phương Tây hóa trên phạm vi toàn cầu đã kéo theo khuynh hướng thực dụng hóa ngôn ngữ, nguy cơ xâm thực của hệ thống ngôn từ sống sã ngày càng gia tăng. Nhiều từ trước đây được dùng với những ý nghĩa trong sáng, thể hiện bản sắc quý báu của mỗi dân tộc, nay được tiếp nhận thêm những nội dung mới. Từ *đồng chí* trong tiếng Nga thể hiện một tinh thần đoàn kết, thân thiết, nay lại dùng với nghĩa *đồng bọn*. Ngay cả khái niệm *con người mới* (New People) cũng mang những nội dung mới. Trong tiếng Anh phổ biến khái niệm New class và đại diện cho một lớp người mới, lớp người bằng một cách nào đó có một thu nhập rất cao, không nhờ vào thu nhập của nhà nước, họ có thái độ rất tự tin trong suy nghĩ và hành động, do đó thường là những người bất cần, bất

chấp luật pháp. Trong xã hội Nga hiện nay, New Russians (новые русские) không còn là tên gọi của con người lý tưởng của Xã hội Chủ nghĩa trước đây, mà nó dùng để chỉ những thanh niên sống trên tiền, ăn mặc sang trọng, có vẻ mặt kiêu hãnh, bất cần, hống hách, thích mạo hiểm và bạo lực v.v.. gần giống với nghĩa của những từ chỉ bọn côn đồ, du đảng (хулиган, бандист). Ở châu Á, khái niệm trên cũng đã thâm nhập vào Trung Quốc và ngày càng được dùng phổ biến trong ngôn ngữ nói, người Trung Quốc dường như có xu hướng tự hào bởi những thanh niên giàu có, đầy tự tin của đất nước như vậy.

Những hiện tượng vừa nêu trên đây xuất hiện chỉ riêng trong tiếp xúc ngôn ngữ, phải chăng là những cảnh báo với tất cả chúng ta rằng ngôn ngữ mẹ đẻ của nhiều dân tộc đang bị đe dọa, trong đó có cả tiếng Việt của chúng ta. Đây cũng là những thách thức đối với giáo dục ngoại ngữ toàn cầu nói chung và nước ta nói riêng, đòi hỏi những nhà hoạch định chính sách giáo dục cũng như các chuyên gia ngoại ngữ cần có những giải pháp thiết thực.

III. Kết luận và những giải pháp đề xuất đối với giáo dục ngoại ngữ ở nước ta

Trước bối cảnh hiện nay về sự phát triển của một số ngôn ngữ phổ biến trên thế giới và vấn đề tiếp xúc ngôn ngữ trong toàn cầu hóa mà chúng tôi vừa xem xét, xin có những đề xuất bước đầu đối với việc giáo dục ngoại ngữ ở nước ta như sau :

1. Đối với các nhà hoạch định chính sách giáo dục

- Nhận thức rõ giáo dục ngoại ngữ luôn luôn gắn liền với những vấn đề chính trị và chính sách đối ngoại giữa các quốc

gia có tiếp xúc ngôn ngữ. Trong những bối cảnh kinh tế xã hội và đối ngoại ổn định cũng là động lực cần thiết thúc đẩy việc dạy - học ngoại ngữ đạt hiệu quả cao:

- Nhận thức rõ tầm quan trọng của giáo dục ngoại ngữ trong giai đoạn hiện nay. Nhà nước cần có những quan tâm thích đáng cho giáo dục ngoại ngữ. Trong tương quan với giáo dục các bộ môn cơ bản, ngân sách của giáo dục ngoại ngữ thường hạn chế hơn cả, trang thiết bị dạy học hiện nay phần lớn do các trường, các tổ chức nước ngoài tài trợ. Một trong những vấn đề của giáo dục ngoại ngữ nước ta hiện nay là nhanh chóng cải tiến và hoàn thiện nội dung chương trình cho các cấp học từ phổ thông đến đại học và sau đại học, nhằm đưa những nội dung mới phù hợp với nhu cầu của xã hội vào giảng dạy ngoại ngữ:

- Trước sự mất cân đối trong việc lựa chọn ngoại ngữ, ngoài việc hoạch định chỉ tiêu tuyển sinh cho các khoa ngoại ngữ, Nhà nước cần có những chính sách ưu đãi đối với người học các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh, đặc biệt là các ngoại ngữ có ý nghĩa về mặt chính trị và văn hóa như tiếng Nga, tiếng Pháp.

2. Đối với các chuyên gia giảng dạy và nghiên cứu tiếng nước ngoài

- Không ngừng nâng cao chất lượng của giáo viên ngoại ngữ bằng việc chuẩn hóa đội ngũ cũng như thường xuyên cập nhật kiến thức ngôn ngữ và văn hóa, nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong môi trường ngôn ngữ tự nhiên. Chất lượng giáo viên giỏi cũng là một trong những biện pháp thu hút người học:

- Ngoài những yêu tố xã hội chi phối, thì nội dung và phương pháp giảng dạy ngoại ngữ có một ý nghĩa vô cùng to lớn đối

với việc thu hút người học. Đây là một trọng trách của các chuyên gia ngoại ngữ, sao cho nội dung chương trình phản ánh được tiềm năng của ngoại ngữ, cũng như đáp ứng được mọi yêu cầu của xã hội đặt ra:

- Trang bị phương pháp luận về tiếp thu và sử dụng ngoại ngữ cho người học là một việc rất quan trọng. Chỉ với một phương pháp luận vững vàng, người học ngoại ngữ sẽ biết vận dụng vốn ngoại ngữ vào thực tiễn giao tiếp một cách có văn hóa. Tránh được hiện tượng sử dụng ngôn ngữ "bối" và lạm dụng ngoại ngữ;

- Trước khi đưa các kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa cho người học, cần hệ thống và củng cố các kiến thức về tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, tránh những giao thoa tiêu cực trong tiếp xúc ngôn ngữ:

- Ngoài những giờ học chính khóa, thi hoạt động ngoại khóa là một nhu cầu không thể thiếu được trong dạy - học, việc đầu tư hợp lý vào các hoạt động giải trí bằng ngoại ngữ: câu lạc bộ, dạ hội, triển lãm hoặc báo tường bằng ngoại ngữ sẽ tạo ra một sân chơi hấp dẫn người học gần bó hơn với thú tiếng mà họ đã chọn:

- Là một ngành của Khoa học Nhân văn, việc dạy - học ngoại ngữ có một ý nghĩa giáo dục nhân văn to lớn. Nó không chỉ giúp người học tăng cường mối quan hệ quốc tế mà ngay bản thân trong từng bài giảng đều mang ý nghĩa giáo dục nhất định để hoàn thiện nhân cách con người. Việc khai thác giá trị nhân văn của ngoại ngữ không chỉ là nhiệm vụ mà còn là nghệ thuật nghề nghiệp của mỗi giáo viên, nó đòi hỏi ở mỗi giáo viên tình yêu và cả sự mẫu mực.

Trên đây là những trở ngại của chúng tôi, đó cũng chỉ là một trong những vấn đề

dang đặt ra của giáo dục ngoại ngữ nước nhà hiện nay. Với sự năng động và những tiềm năng sẵn có, hy vọng giáo dục ngoại

ngữ ở Việt Nam sẽ vượt qua tất cả những thách thức của xã hội hiện đại, xứng đáng với tầm vóc và sự tăng trưởng của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Berdichevski A.L., Tiếng Nga có trở thành ngôn ngữ Quốc tế hay không? *Tạp chí Thế giới của tư tưởng Nga*, Số 1(2000), tr. 29-37 (in bằng tiếng Nga).
2. Moiseev A.N., Một số vấn đề của hậu ngôn ngữ học. *Tạp chí Thế giới của tư tưởng Nga*, Số 3(2002), tr. 44-46 (in bằng tiếng Nga).
3. Nguyễn Văn Lợi, Ngôn ngữ nguy cấp và việc bảo tồn đa dạng văn hóa, *Tạp chí Ngôn ngữ*, Số 4(1999).
4. Trình Thị Kim Ngọc, Tiềm năng ngôn ngữ trong nghiên cứu Con người và Văn hóa. *Tạp chí Ngôn ngữ*, Số 14(2002), tr. 26-36.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XIX, N.3, 2003

SOME ISSUES OF FOREIGN LANGUAGE EDUCATION IN VIETNAM IN THE CURRENT CONTEXT OF GLOBALIZATION

Dr. Trình Thị Kim Ngọc

College of Foreign Languages - VNU

In this paper, the author presents her perspectives on the status of some world languages and on how those languages are selected to be taught as foreign languages on the world. Those languages include English, Russian, Chinese, Spanish, Portuguese, Indonesian, French, etc.. Also, the author discusses some issues related to language contact in the context of globalization, especially the positive and negative influence of English on the development of other languages including Vietnamese. In author's view, this is a great challenge in global foreign language education, which requires educational policy makers and foreign language specialists to devise effective solutions.